

Bản án số: 82/2024/DS-PT
Ngày 24 -12-2024
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hữu Trường và bà Bùi Thị Thu Hằng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về Tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 52/TB-TA ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hà Thị T; nơi cư trú: Số A T1 T, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Chí C; nơi ở hiện tại: Số A T T, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị T1; nơi cư trú: Số A Cầu Đ, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt;

+ Anh Nguyễn Nhật M; nơi cư trú: Số A T1 T, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt;

+ Anh Nguyễn Quốc M1; nơi cư trú: Số B gác B L, phường P, quận H, thành

phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Quốc A; nơi cư trú: Số B gác B L, phường P, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc D; nơi cư trú: Số B gác B L, phường P, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt;

** Người kháng cáo:*

- Anh Nguyễn Chí C – bị đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà Hà Thị T và ông Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn năm 2002, có 01 con chung là Nguyễn Nhật M, sinh năm 2001. Sau khi kết hôn, ông bà về ở cùng mẹ đẻ ông Đ là cụ Lê Thị Đ1 tại tầng A số A T, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng. Năm 2012, Ủy ban nhân dân Quận L (viết tắt: UBND Quận L), thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 230778 (viết tắt: GCN QSDĐ) ngày 09/10/2012 có diện tích đất ngôi 462m²; diện tích đất sử dụng chung là 51,6m²; nhà ở sở hữu riêng diện tích 51,6m² tại tầng A số A T, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng mang tên chủ sử dụng đất, sở hữu chung tài sản gắn liền với đất là cụ Lê Thị Đ1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Hà Thị T và anh Nguyễn Nhật M.

Ngày 25/6/2018 cụ Lê Thị Đ1 chết; ngày 18/5/2019, ông Nguyễn Văn Đ chết, cả hai đều không để lại di chúc.

Từ khi ông Đ ốm nặng đến sau khi ông Đ chết, anh Nguyễn Chí C là con riêng của ông Đ quay về đòi chia nhà, kê đồ đạc và chia phòng để cưới vợ, sinh sống tại đây. Do việc sinh sống không thuận tiện nên bà T đã đưa ra đề nghị thanh toán lại phần giá trị tương ứng với phần di sản được thừa kế cho bà Nguyễn Thị T1 (là con gái cụ Đ1) và các con riêng của ông Đ để hai mẹ con bà T được tiếp tục quản lý sử dụng ổn định, nhưng các con riêng của ông Đ không đồng ý.

Vì vậy, bà T nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ, xem xét cho bà được hưởng phần công sức sửa chữa, giữ gìn, tạo lập và quản lý tài sản. Đồng thời, cho bà được hưởng phần di sản thừa kế bằng hiện vật; bà đồng ý thanh toán lại giá trị phần di sản được hưởng cho các đồng thừa kế khác.

Trong quá trình giải quyết sơ thẩm, bị đơn trình bày:

Anh xác nhận tài sản tại tầng A số A T, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng, diện tích đất ngôi 462m², diện tích đất sử dụng chung là 51,6m², nhà ở sở

hữu riêng diện tích 51,6m² tại tầng 1 đã được Ủy ban nhân dân Quận L cấp GCN QSDĐ năm 2012 mang tên cụ Đ1, ông Đ, bà T và anh M; là tài sản thuộc quyền sử dụng chung của những người này.

Bố đẻ anh là ông Nguyễn Văn Đ trước khi kết hôn với bà Hà Thị T đã có 04 người con riêng là Nguyễn Chí C, Nguyễn Quốc M1, Nguyễn Quốc A, Nguyễn Thị Ngọc D.

Ngày 18/5/2019, ông Đ chết có để lại di chúc cho anh C hưởng toàn bộ phần quyền sử dụng đất nằm trong diện tích đất 51,6 m² tại địa chỉ số A T T, phường C, Quận L theo GCN QSDĐ số BL 230778 do UBND Quận L cấp ngày 09/10/2012 mang tên cụ Lê Thị Đ1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Hà Thị T và anh Nguyễn Nhật M.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, anh C không đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét chia di sản thừa kế theo di chúc lập ngày 19/02/2019 của ông Đ để lại; anh đề nghị được mua lại phần tài sản của bà T, bà T1 và anh M tại nhà đất số A T T để có thể toàn quyền sử dụng làm nơi thờ cúng tổ tiên.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm:*

- Anh Nguyễn Quốc M1, anh Nguyễn Quốc A, chị Nguyễn Thị Ngọc D (là con đẻ của ông Nguyễn Văn Đ): Thống nhất quan điểm với anh Nguyễn Chí C.

- Anh Nguyễn Nhật M: Đồng ý với quan điểm của bà Hà Thị T và giao lại cho bà Hà Thị T toàn quyền định đoạt phần tài sản nhà và đất ở thuộc quyền sử dụng của anh M.

- Bà Nguyễn Thị T1: Nhất trí với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà T. Bà T1 đề nghị được hưởng phần thừa kế mà bà được hưởng của cụ Đ1 (là mẹ đẻ) theo quy định pháp luật và được nhận thừa kế bằng giá trị.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T:

- Giao cho bà Hà Thị T quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích sử dụng chung 51,6m² trong diện tích đất ngôi 462m² và nhà ở sở hữu riêng diện tích 51,6m² tại tầng A số A T, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 230778 do Ủy ban nhân dân Quận L, thành phố Hải Phòng cấp ngày 09/10/2012 mang tên cụ Lê Thị Đ1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Hà Thị T và anh Nguyễn Nhật M.

- Bà Hà Thị T được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ chết để lại (Bao gồm cả kỷ phần thừa kế của anh Nguyễn Nhật M) là 138.622.416 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm mười sáu đồng).

- Bà Hà Thị T có trách nhiệm trả tiền kỹ phần thừa kế của cụ Lê Thị Đ1 cho bà Nguyễn Thị T1 là 207.933.625 đồng (Hai trăm linh bảy triệu chín trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

- Bà Hà Thị T có trách nhiệm trả tiền kỹ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ cho anh Nguyễn Chí C là 485.178.459 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng).

2. Bà Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Nhật M, anh Nguyễn Chí C phải thực hiện nghĩa vụ hoàn tất các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cho bà Hà Thị T tại cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền.

3. Anh Nguyễn Chí C có trách nhiệm tháo dỡ các tài sản của anh C lắp đặt tại nhà số A T T, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng và bàn giao nguyên trạng mặt bằng cho bà Hà Thị T. Nghiêm cấm mọi hành vi của các đương sự gây cản trở thực hiện quyền sở hữu về tài sản của bà Hà Thị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T1 do bà Nguyễn Thị T1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

- Bà Hà Thị T phải nộp 6.931.121 đồng (Sáu triệu chín trăm ba một nghìn một trăm hai mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003279 ngày 23/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Trả lại cho bà Hà Thị T số tiền 21.568.879 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng).

- Anh Nguyễn Chí C phải nộp số tiền 23.407.138 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm linh bảy nghìn một trăm ba mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

Nội dung kháng cáo: Ngày 09/10/2024, Tòa án nhân dân Quận Lê Chân nhận được đơn kháng cáo do bị đơn nộp trực tiếp, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

Sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Đối với phần tài sản của ông Nguyễn Văn Đ bao gồm cả phần của ông Đ được hưởng thừa kế từ cụ Lê Thị Đ1 thì trước khi chết ông Đ đã để lại toàn bộ cho

anh Nguyễn Chí C theo di chúc ngày 19 tháng 02 năm 2019 nên anh C đề nghị Tòa án cho anh C được hưởng toàn bộ di sản của ông Đ theo di chúc.

- Giao căn nhà số A T T, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng cho anh Nguyễn Chí C được quản lý sử dụng và anh C sẽ có trách nhiệm thanh toán phần giá trị tài sản căn nhà cho bà Hà Thị T và anh Nguyễn Nhật M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu kháng cáo đồng thời không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và phát biểu ý kiến về kháng cáo

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về việc kháng cáo của bị đơn:

+ Thời hạn kháng cáo và quyền kháng cáo đảm bảo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Chí C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn là anh Nguyễn Chí C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; yêu cầu kháng cáo của bị đơn; ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Thời hạn kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa xét xử ngày 27/9/2024; ngày 09/10/2024, Tòa án nhân dân Quận Lê Chân nhận được đơn kháng cáo của bị đơn. Thời hạn kháng cáo và quyền kháng cáo đảm bảo quy định tại các điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sự vắng mặt của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Anh Nguyễn Quốc M1, anh Nguyễn Quốc A đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai những vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự nêu trên không vì lý do bất khả kháng hay sự kiện khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu khởi kiện:

[4] Xác định thời điểm mở thừa kế: Cụ Lê Thị Đ1 chết ngày 25/6/2018; ông Nguyễn Văn Đ chết ngày 18/5/2019. Căn cứ quy định tại Điều 611 Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định đây là thời điểm mở thừa kế tài sản.

[5] Xác định di sản thừa kế: Căn cứ lời khai của các đương sự cùng tài liệu do Ủy ban nhân dân Quận L, thành phố Hải Phòng và Văn phòng Đ2 - Chi nhánh Quận L cung cấp thể hiện: Cụ Lê Thị Đ1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Hà Thị T và anh Nguyễn Nhật M là người có quyền sử dụng diện tích đất sử dụng chung là 51,6m² và nhà ở sở hữu riêng diện tích 51,6m² tại địa chỉ số A T T, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng theo GCN QSDĐ số BL 230778 do Ủy ban nhân dân quận L cấp ngày 09/10/2012. Nguồn gốc do mua nhà thuộc sở hữu Nhà nước. Như vậy, xác định di sản thừa kế của cụ Đ1 và ông Đ gồm:

+ Di sản thừa kế của cụ Lê Thị Đ1 là 1/4 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nằm trong diện tích đất sử dụng chung là 51,6m² và nhà ở sở hữu riêng diện tích 51,6m² tại số A T T, phường C, Quận L;

+ Di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ là 1/4 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nằm trong diện tích đất sử dụng chung là 51,6m² và nhà ở sở hữu riêng diện tích 51,6m² và một phần tài sản được hưởng từ di sản thừa kế của cụ Đ1 chết để lại tại số A T T, phường C, Quận L.

[6] Xác định hàng thừa kế:

[6.1] Cụ Lê Thị Đ1 chết ngày 25/6/2018, không để lại di chúc. Cụ Đ1 có chồng là cụ Nguyễn Văn Í (đã chết năm 1965) và có 03 con chung là bà Nguyễn Thị H (không có chồng con, chết năm 1965), bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn Đ. Ngoài ra, không có con riêng, con nuôi, bố mẹ nuôi. Bố mẹ đẻ cụ Đ1 đều đã chết. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ1 được xác định gồm: Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn Đ theo quy định tại Điều 613 và khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6.2] Ông Nguyễn Văn Đ chết ngày 18/5/2019, để lại di chúc lập ngày 19/02/2019 cho anh Nguyễn Chí C được hưởng toàn bộ phần di sản thừa kế của ông Đ.

[6.2.1] Đánh giá tính hợp pháp của di chúc: Tại Bản kết luận giám định số 2684/KL-KTHS ngày 06/9/2024 của Phòng K - Công an thành phố H kết luận: Dấu vân tay trên di chúc là của ông Nguyễn Văn Đ. Di chúc được lập có 02 người làm chứng là anh Nguyễn Hùng C1 và chị Trần Thị kim D1. Như vậy, có đủ cơ sở xác định di chúc của ông Nguyễn Văn Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 624, Điều 634 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6.2.2] Anh Nguyễn Chí C là người được hưởng thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn Đ để lại theo di chúc. Anh Nguyễn Quốc M1, anh Nguyễn Quốc A, chị Nguyễn Thị Ngọc D không được hưởng thừa kế di sản của ông Đ để lại.

[6.2.3] Bà Hà Thị T (là vợ của ông Đ) và anh Nguyễn Nhật M, sinh năm 2001 (khi ông Đ chết anh M chưa đủ 18 tuổi) mặc dù là người không được ông Nguyễn Văn Đ di chúc để lại tài sản, nhưng theo quy định tại Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì anh Nguyễn Nhật M, bà Hà Thị T mỗi người được hưởng 2/3 suất của một người thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ;

[6.2.4] Hàng thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Đ bao gồm 06 người: Bà Hà Thị T, anh Nguyễn Nhật M, anh Nguyễn Chí C, anh Nguyễn Quốc M1, anh Nguyễn Quốc A, chị Nguyễn Thị Ngọc D, tương đương 06 kỹ phần thừa kế. Bà T và anh M mỗi người được hưởng 2/3 của 1/6 di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ chết để lại.

[7] Về phân chia di sản thừa kế:

[7.1] Tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nằm trong diện tích đất ngôi 462m², diện tích đất sử dụng chung là 51,6m² và nhà ở sở hữu riêng diện tích 51,6m² tại tầng 1 số A T không thể phân chia bằng hiện vật, do hiện trạng thực tế thửa đất, quy định của pháp luật về đất đai, quy định hạn mức diện tích đất tối thiểu để được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thành phố H.

[7.2] Bà T, anh M mỗi người đều có 1/4 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên. Bà T đề nghị được thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế bằng giá trị cho anh Nguyễn Chí C và nhận phần tài sản quyền sử dụng nhà, đất của ông Nguyễn Văn Đ để mẹ con bà ổn định sinh sống. Bà T, anh M là người có quyền về tài sản và đang quản lý tài sản. Bà T1, anh M đều đồng ý giao phần tài sản quyền sử dụng đất, nhà được hưởng thừa kế và được quyền quản lý, sử dụng cho bà T định đoạt. Tổng tài sản khi phân chia thừa kế bà T là người nắm giữ quyền tài sản nhiều hơn kỹ phần thừa kế tài sản của anh C.

[7.3] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ tài sản cho bà Hà Thị T quản lý sử dụng, đồng thời bà T phải thanh toán giá trị di sản thừa kế cho anh Nguyễn Chí C, bà Nguyễn Thị T1 là có căn cứ.

[8] Kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản thể hiện: Diện tích nhà đất mang tên cụ Lê Thị Đ1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Hà Thị T và anh Nguyễn Nhật M không thay đổi.

[8.1] Theo Hội đồng định giá tài sản: Giá trị quyền sử dụng đất là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng)/m² x 51,6m² = 1.599.600.000 đồng (Một tỷ năm trăm chín mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng). Giá trị phần tài sản trên đất là 63.869.000 đồng (Sáu mươi ba triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

[8.2] Tổng giá trị tài sản nhà, đất là 1.599.600.000 đồng + 63.869.000 đồng = 1.663.469.000 đồng (Một tỷ sáu trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

[9] Xác định giá trị chênh lệch phải thanh toán cho các đồng thừa kế:

[9.1] Di sản của cụ Lê Thị Đ1 có giá trị được quy đổi thành tiền là 1.663.469.000 đồng : 4 = 415.867.250 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).

[9.2] Kỳ phần bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn Đ mỗi người được hưởng 1/2 giá trị di sản thừa kế của cụ Lê Thị Đ1 để lại được quy đổi thành tiền là 415.867.250 đồng : 2 = 207.933.625 đồng (Hai trăm linh bảy triệu chín trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

[9.3] Giá trị kỳ phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ được quy đổi thành tiền tổng cộng là 415.867.250 đồng (Tài sản của ông Đ) + 207.933.625 đồng (Tài sản của ông Đ được thừa kế của cụ Đ1) = 623.800.875 đồng (Sáu trăm hai mươi ba triệu tám trăm nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

[9.4] Bà Hà Thị T, anh Nguyễn Nhật M mỗi người được hưởng giá trị kỳ phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ được quy đổi thành tiền là 623.800.875 đồng: 6 x 2/3 = 69.311.208 đồng (Sáu mươi chín triệu ba trăm mười một nghìn hai trăm linh tám đồng).

[9.5] Anh Nguyễn Chí C được hưởng kỳ phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ (trừ đi kỳ phần thừa kế mà bà T, anh M được hưởng từ ông Đ không phụ thuộc vào di chúc) và được quy đổi thành tiền là 623.800.875 đồng - 138.622.416 đồng = 485.178.459 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng).

[9.6] Bà Hà Thị T có trách nhiệm trả tiền kỹ phần thừa kế của cụ Lê Thị Đ1 cho bà Nguyễn Thị T1 là 207.933.625 đồng; trả tiền kỹ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ cho anh Nguyễn Chí C là 485.178.459 đồng.

[9.7] Đối với phần công trình anh C lắp đặt (vách ngăn tường) cùng một số đồ dùng sinh hoạt, thực tế anh C đã tháo dỡ một phần di chuyển về nhà của em gái. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C xác nhận không yêu cầu bà T thanh toán giá trị phần công trình lắp đặt và các vật dụng sinh hoạt cho anh; trường hợp phải tháo dỡ các tài sản này để di dời, không ảnh hưởng đến công năng sử dụng cũng như giá trị tài sản. Do đó, anh C có trách nhiệm tháo dỡ phần công trình và các đồ sung sinh hoạt để bàn giao nguyên trạng mặt bằng cho bà T. Bà T không có nghĩa vụ thanh toán giá trị những tài sản này cho anh C.

[10] Về chi phí tố tụng: Không đặt ra vấn đề giải quyết.

- *Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:*

[11] Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế, di sản và kỹ phần mà các đồng thừa kế được hưởng là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Mẹ con bà T đang trực tiếp quản lý, sử dụng đối với di sản; phần tài sản cũng như di sản hai mẹ con bà T được hưởng lớn hơn nhiều phần di sản anh C được hưởng. Do đó, để đảm bảo công năng sử dụng của công trình nhà đất; đảm bảo thi hành án, cần giao nhà đất cho mẹ con bà T quản lý, sử dụng, bà T có nghĩa vụ chi trả giá trị kỹ phần chênh lệch cho các đồng thừa kế khác. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp.

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu kháng cáo, tuy nhiên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình do đó, không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[13.1] Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T1 do bà T1 là người cao tuổi.

[13.2] Bà Hà Thị T và anh Nguyễn Chí C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Chí C không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 624; Điều 634; Điều 644; Điều 650; Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Chí C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T:

- Giao cho bà Hà Thị T quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích sử dụng chung 51,6m² trong diện tích đất ngôi 462m² và nhà ở sở hữu riêng diện tích 51,6m² tại tầng A số A T, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 230778 do Ủy ban nhân dân Quận L, thành phố Hải Phòng cấp ngày 09/10/2012 mang tên cụ Lê Thị Đ1, ông Nguyễn Văn Đ, bà Hà Thị T và anh Nguyễn Nhật M.

- Bà Hà Thị T được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ chết để lại (Bao gồm cả kỷ phần thừa kế của anh Nguyễn Nhật M) là 138.622.416 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm mười sáu đồng).

- Bà Hà Thị T có trách nhiệm trả tiền kỷ phần thừa kế của cụ Lê Thị Đ1 cho bà Nguyễn Thị T1 là 207.933.625 đồng (Hai trăm linh bảy triệu chín trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

- Bà Hà Thị T có trách nhiệm trả tiền kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ cho anh Nguyễn Chí C là 485.178.459 đồng (Bốn trăm tám mươi lăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng).

2. Bà Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Nhật M, anh Nguyễn Chí C phải thực hiện nghĩa vụ hoàn tất các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cho bà Hà Thị T tại cơ quan đăng ký đất đai có thẩm quyền.

3. Anh Nguyễn Chí C có trách nhiệm tháo dỡ các tài sản của anh C lắp đặt tại nhà số A T T, phường C, Quận L, thành phố Hải Phòng và bàn giao nguyên trạng mặt bằng cho bà Hà Thị T. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi

hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T1.

- Bà Hà Thị T phải chịu 6.931.121 đồng (Sáu triệu chín trăm ba một nghìn một trăm hai mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 003279 ngày 23/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Trả lại bà Hà Thị T số tiền 21.568.879 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng).

- Anh Nguyễn Chí C phải chịu số tiền 23.407.138 đồng (Hai mươi ba triệu bốn trăm linh bảy nghìn một trăm ba mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Chí C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Anh C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003315 ngày 17 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS Quận Lê Chân;
- TAND Quận Lê Chân;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Trung

Vũ Thị Bích Diệp

Bùi Thị Thu Hằng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hằng

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- TAND huyện An Dương;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hằng

Kèm theo Bản án Dân sự phúc thẩm số 04/2024/DS-PT
ngày 11-01-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng